

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H

*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thọ  
Ông Trương Văn Minh

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Mai Hoa- Cán bộ TAND  
huyện T, thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2020/HSST ngày 03/9/2020 đối với bị cáo:

**Họ và tên: Phạm Văn H**, sinh năm 1972; Nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã V, huyện T, thành phố H; Chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện T, thành phố H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Phạm Văn H, con bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Minh H, có hai con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án tiền sự: Ngày 13/3/2012, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xử phạt 4 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”(Danh chỉ bản số 216 lập ngày 01/4/2020, tại Công an huyện T); Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/3/2020, hiện đang tạm giam- có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, thành phố H

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2019, Phạm Văn H gặp và làm quen với anh Triệu Duy M, biết anh M có nhu cầu mua dung môi thải, để tái chế thành dung môi pha sơn và sơn chống thấm nên đã trao đổi bán dung môi thải cho anh M. H và anh M thỏa thuận: H sẽ đi thu mua các thùng phi dung môi thải bán cho anh M với giá từ 1.450.000 đồng - 1.500.000 đồng/01 thùng phi (loại 200 lít), tùy từng thời điểm và chất lượng dung môi thải; anh M sử dụng dây chuyền tái chế, tái chế dung môi thải, thành sản phẩm dung môi sơn và sơn chống thấm; chất thải còn lại sau tái chế không sử dụng được hoặc dung môi kém chất lượng không thể tái chế, anh M sẽ trả lại cho H và H có trách nhiệm tiêu hủy, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đến khoảng tháng 8/2019, H bắt đầu đi thu mua dung môi thải, của nhiều người (hiện không xác định), ở các khu công nghiệp ở tỉnh B và bán lại cho anh M. Sau đó, H đã nhiều lần

bán dung môi thải cho anh M.

Khoảng 19h ngày 12/3/2020, H điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H-096.46, cùng vợ là chị Nguyễn Thị Minh H, chở theo 21 thùng phi chứa dung môi thải đến xưởng tái chế của anh M, ở thôn P, xã N, huyện Q, thành phố H, để bán cho anh M. Sau khi mua 21 thùng phi chứa dung môi chất thải, anh M trả lại H 10 thùng phi kim loại (loại 200 lít, cao ~ 90cm, đường kính ~ 60 cm) chứa chất thải còn lại sau tái chế, không sử dụng được và 04 thùng phi kim loại (loại 200 lít, cao ~ 90cm, đường kính ~ 60 cm) dung môi kém chất lượng không thể tái chế được, mà anh M đã mua của H trước đó. H nhận lại số thùng phi chứa chất thải này và điều khiển xe ô tô, cùng chị H, chở số thùng phuy chất thải về nhà. Khi về đến nơi, H để xe ô tô, cùng toàn bộ 14 thùng phi kim loại chứa chất thải, ở khu vực sân bóng, thôn Đ, xã N, huyện T, thành phố H và cùng chị H đi bộ về nhà. Đến khoảng 23h 30' cùng ngày, H đi bộ một mình đến nơi để xe ô tô và kiểm tra số chất thải chứa trong các thùng phi. H thấy các chất thải bên trong không thể sử dụng hoặc tái chế được nên nảy sinh ý định đổ số thùng phi chứa chất thải này xuống sông Hồng, để không phải xử lý chất thải theo quy định pháp luật. Vì vậy, khoảng 00 giờ 00' ngày 13/3/2020, H điều khiển xe ô tô BKS: 29H - 096.46, chở 14 thùng phi chứa chất thải, đến đường dốc bờ sông Hồng (khu vực đình Vạn Phúc), thuộc thôn 1, xã V, huyện T, thành phố H đổ xuống sông hồng.

Do thời điểm này, mực nước sông Hồng không cao nên chỉ có 02 thùng phi chứa chất thải do H đổ xuống sông Hồng rơi xuống nước; còn 12 thùng phi, rơi xuống sát mép nước.

Khoảng 10h00' ngày 15/3/2020, người dân xã V phát hiện 12 thùng phi kim loại (loại 200 lít, cao ~ 90cm, đường kính ~ 60 cm) chứa chất thải, do H đổ tại khu vực sông Hồng, thuộc thôn 1, xã V, huyện T nên đã trình báo Cơ quan Công an. Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ, niêm phong (đánh số thứ tự các thùng theo thứ tự từ 1 - 12) toàn bộ số tang vật nói trên.

Hồi 16h ngày 16/3/2020, Phạm Văn H đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. H tự nguyện giao nộp 01 xe ô tô tải BKS: 29H-09646 cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện T để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 17/3/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T khám xét khẩn cấp kho xưởng của Phạm Văn H, tại thôn 3, xã V, huyện T, thành phố H phát hiện, thu giữ niêm phong 108 thùng phi kim loại (loại 200 lít) chứa dung dịch chất lỏng, bùn, có đặc điểm giống với 12 thùng phi kim loại thu giữ nêu trên.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã tiến hành rà soát khu vực nơi H đổ chất thải đã phát hiện, thu giữ niêm phong 02 thùng phi kim loại (loại 200 lít, cao ~ 90cm, đường kính ~ 60 cm) do Hùng đổ xuống sông Hồng, vào ngày 13/3/2020(đánh số thứ tự 13 - 14) .

***Tại Kết luận giám định số 1559/C09-P4 ngày 24/3/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:***

- Các mẫu ký hiệu từ 01 - 12 gửi giám định có các thành phần nguy hại hữu cơ gồm: thành phần nguy hại Toluene và thành phần nguy hại đặc biệt Trichloroethylene. Các mẫu ký hiệu từ số 1 đến 4 và từ 6 đến 12 đều có hàm lượng toluene lớn hơn ngưỡng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H<sub>tc</sub> (từ 1,46 đến 3,5 lần) và nồng

độ ngấm chiết lớn hơn ngưỡng Nồng độ ngấm chiết  $C_{tc}$  (từ 1,39 đến 3,4 lần); các mẫu có ký hiệu từ số 1 đến 12 đều có hàm lượng tuyệt đối của thành phần nguy hại đặc biệt Trichloroethylene lớn hơn ngưỡng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở  $H_{tc}$  (từ 48,8 đến 907,3 lần) và nồng độ ngấm chiết lớn hơn ngưỡng Nồng độ ngấm chiết  $C_{tc}$  (từ 46,4 đến 788,9 lần) do đó theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN07/2009/BTNMT) các mẫu có ký hiệu từ 1 đến 12 đều là chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt.

- Trong các mẫu có ký hiệu từ số 1 đến 12 đều không phát hiện các chất phải loại trừ theo phụ lục A Công ước Stockholm về các chất hữu cơ khó phân hủy (POP). Ngoài ra trong các mẫu đều có các chỉ tiêu: tính chất nguy hại (tính kiềm, tính axit) và các thành phần nguy hại thuộc nhóm kim loại nặng và các hợp chất vô cơ (bari, chì, asen, thủy ngân, cadmi, tổng xyanua, muối florua) đều thấp hơn so với ngưỡng CTNH quy định tại bảng 1: Các tính chất nguy hại và bảng 2: Các thành phần nguy hại vô cơ theo QCVN 07/2009/BTNMT.”

**Tại Kết luận giám định số 1652/C09-P4 ngày 24/3/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:**

- Các mẫu ký hiệu từ 13 và 14 gửi giám định có các thành phần nguy hại hữu cơ gồm: thành phần nguy hại Toluene và thành phần nguy hại đặc biệt Trichloroethylene. Các mẫu ký hiệu số 13 và 14 đều có hàm lượng toluene lớn hơn ngưỡng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở  $H_{tc}$  (từ 3,2 đến 2,7 lần) và nồng độ ngấm chiết lớn hơn ngưỡng Nồng độ ngấm chiết  $C_{tc}$  (từ 2,88 đến 2,31 lần); các mẫu có ký hiệu số 13 và 14 đều có hàm lượng tuyệt đối của thành phần nguy hại đặc biệt Trichloroethylene lớn hơn ngưỡng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở  $H_{tc}$  (từ 28,7 đến 398,3 lần) và nồng độ ngấm chiết lớn hơn ngưỡng Nồng độ ngấm chiết  $C_{tc}$  (từ 27,3 đến 346,3 lần) do đó theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN07/2009/BTNMT) các mẫu có ký hiệu 13 và 14 đều là chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt.

- Trong các mẫu có ký hiệu số 13 đến 14 đều không phát hiện các chất phải loại trừ theo phụ lục A Công ước Stockholm về các chất hữu cơ khó phân hủy (POP). Ngoài ra trong các mẫu đều có các chỉ tiêu: tính chất nguy hại (tính kiềm, tính axit) và các thành phần nguy hại thuộc nhóm kim loại nặng và các hợp chất vô cơ (bari, chì, asen, thủy ngân, cadmi, tổng xyanua, muối florua) đều thấp hơn so với ngưỡng CTNH quy định tại bảng 1: Các tính chất nguy hại và bảng 2: Các thành phần nguy hại vô cơ theo QCVN 07/2009/BTNMT.”

Trên cơ sở xác định khối lượng riêng của 14 vỏ (bao bì) thùng kim loại theo TCVN 5833/1994, xác định: Tổng khối lượng tối thiểu của 14 vỏ (bao bì) thùng phi kim loại nói trên là **287** kg. Tổng khối lượng tối đa chất thải chứa thành phần nguy hại đặc biệt trong 14 thùng phi trên là **2.873** kg.

Đối với anh Triệu Duy M và chị Nguyễn Thị Minh H: qua điều tra xác định: Việc anh M trả lại 14 thùng phi chứa chất thải là để H đi tiêu hủy, xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định pháp luật; đồng thời, anh M và chị H đều không biết việc H đổ chất thải nguy hại ra môi trường nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không xử lý.

Đối với 108 thùng phi thu giữ trong quá trình khám xét kho xưởng của Phạm Văn H, quá trình điều tra xác định: H mua số thùng phi chứa dung môi nói trên để bán cho các cơ sở tái chế, mà không có mục đích chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường

nên hành vi này của H không có dấu hiệu của tội phạm. Do chưa có kết luận giám định về thành phần các chất có trong 108 thùng phi nói trên nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện T ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan đến 108 chiếc thùng phi chứa dung môi nói trên để xử lý sau.

Tại bản án trạng số 168/CT-VKSTT ngày 31/08/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T Truy tố Phạm Văn H về tội "*Gây ô nhiễm môi trường*" theo điểm a khoản 1 Điều 235 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận ngày 13/3/2020 đã có hành vi đổ 2.873kg (chứa trong 14 thùng phi) chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại xuống sông hồng. Bị cáo ăn năn hối cải đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thừa nhận xe ô tô BKS 29H-09646 là tài sản riêng của chị H, do chị H tự vay tiền mua.

Chị Nguyễn Thị Minh H: Xe ô tô BKS 29H-09646 là tài sản riêng của chị, do chị vay tiền của bố chị để mua, chị không biết bị cáo dùng xe chở chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại đổ xuống sông hồng. Chị xin được nhận lại xe ô tô

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 – 18 tháng tù. Tịch thu tiêu hủy 2.873kg chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại. Trả lại chị Minh H xe ô tô BKS 29H-09646.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án: Đủ cơ sở kết luận: Ngày 13/3/2020, Phạm Văn H đã có hành vi đổ 2.873kg (chứa trong 14 thùng phi) chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại xuống sông hồng tại đường dốc xuống sông Hồng thuộc thôn 1, xã V, huyện T, thành phố H. Đối chiếu quy định của pháp luật, bị cáo phạm tội "*Gây ô nhiễm môi trường*" theo điểm a khoản 1 Điều 235 BLHS. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại sự bền vững và ổn định của những thành tố cơ bản của môi trường... làm biến đổi các thành phần môi trường, vi phạm các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái cũng như cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của con người. Do tính chất nguy hiểm của hành vi, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có một tiền án năm 2012, mặc dù án tích đã được xóa nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, đã được cải tạo giáo dục nhưng

vẫn tiếp tục phạm tội.

Để trừng trị đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo làm bài học răn đe người khác, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Khi lượng hình có xem xét bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo chưa gây hậu quả (các chất thải vẫn để trong thùng phi chưa phát tán vào môi trường), bị cáo đầu thú để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 2.873kg (chứa trong 14 thùng phi) chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại là một chất độc hại cần tịch thu tiêu hủy.

Xe ô tô tải BKS: 29H-09646 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Minh H, chị H không biết H dùng xe để chở và đổ chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại ra sông Hồng nên trả lại xe ô tô tải cho chị H

Bị cáo phải chịu án phí HSST, được kháng cáo bản án theo Điều 136,331,333

BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH**

**\* Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Văn H phạm tội "*Gây ô nhiễm môi trường*".

Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 235, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020

**\* Về vật chứng:** Căn cứ Điều 106 BLTTHS 2015. Tịch thu tiêu hủy 2.873kg (chứa trong 14 thùng phi) chất thải nguy hại có chứa thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại. (Hiện đang do công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 10 lưu giữ)

Trả lại chị Nguyễn Thị Minh H 01 xe ô tô tải BKS: 29H-09646 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2020)

**\* Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331,333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Minh H được kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**